

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-PT

Ngày 09 - 01 - 2020

V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Hiệp.

Các Thẩm phán: Ông Quản Hữu Chiến, ông Lò Văn Diệt.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Văn Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 02/2019/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc xin ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Y C, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lừ Thị H. Địa chỉ: Bản Huổi Pù, xã Chiềng Đông, huyện Y C, tỉnh Sơn La; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn L. Địa chỉ: Bản Huổi Pù, xã Chiềng Đông, huyện Y C, tỉnh Sơn La; có mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y C, tỉnh Sơn La; địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn Y C, huyện Y C, tỉnh Sơn La; Vắng mặt.

- Ông Lò Văn B, sinh năm 1959, trú tại Bản Huổi Pù, xã Chiềng Đông, huyện Y C, tỉnh Sơn La; có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Anh Lò Văn L, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Nguyên đơn chị Lừ Thị H trình bày như sau:

Chị H và anh L kết hôn với nhau vào ngày 02 tháng 3 năm 2007 do UBND xã Chiềng Đông, huyện Y C, tỉnh Sơn La cấp giấy đăng ký kết hôn, việc kết hôn do hai bên tự nguyện không ai ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, anh L thường xuyên uống rượu, không quan tâm lo lắng đến cuộc sống chung của vợ con. Từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, không quan tâm đến nhau và hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau được hơn một năm. Sự việc xảy ra đã được hai bên gia đình và B hòa giải của bản hòa giải nhưng vợ chồng không thể đoàn tụ được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị Lữ Thị H đề nghị được ly hôn với anh Lò Văn L.

Về con chung: Có 02 con: Lò Thị Phương V, sinh ngày 29/9/2007 và Lò Thị Bảo N, sinh ngày 04/5/2014, hiện con đang ở theo chị H, nguyện vọng của chị H thì mỗi người trực tiếp nuôi một người con. Nếu không cả hai ở với chị H cũng được nhưng yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Về tài sản chung:

- 01 nhà lắp ghép bằng khung sắt, 03 gian, lợp Proximăng, lát nền bê tông dựng trên đất của ông Lò Văn B (Bố của anh L) hai bên thỏa thuận trị giá 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);

- 01 Tủ trị giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng);

- 01 Tủ gian trị giá 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng);

- 01 Ti vi 21 in TCL + 01 giàn chảo trị giá 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng);

- 04 Cái đệm thái còn mới trị giá mỗi cái 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng);

- 05 Cái chăn thái còn mới trị giá mỗi cái 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng);

- 40 Sau vải trắng thái, mỗi sau trị giá 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);

- 08 Sau vải khuyt mỗi sau trị giá 15.000 đồng (Mười lăm nghìn đồng);

- 06 Cái mặt chăn thái còn mới, trị giá mỗi cái 20.000 đồng (Hai mươi nghìn đồng);

- 05 Cái khăn Piêu thái còn mới, mỗi cái trị giá 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng);

- Đồng bạc trắng: Loại 01 hào là 1,4 đồng, trị giá mỗi đồng là 30.000 đồng (Ba mươi nghìn đồng); Loại đồng 1 đồng (đồng to) là 04 đồng, trị giá mỗi đồng là 40.000 đồng (Bốn mươi nghìn đồng).

Chị Lữ Thị H đề nghị chia đôi số tài sản trên.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y C, tỉnh Sơn La số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng); nợ bố chồng là ông Lò Văn B số tiền

10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Tổng số nợ là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) chị H đề nghị chia đôi.

Theo nội dung bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Lò Văn L trình bày như sau:

Việc kết hôn của vợ chồng là đúng như chị Lữ Thị H đã trình bày trên đây, anh và chị H kết hôn với nhau, có giấy kết hôn do UBND xã Chiềng Đông cấp ngày 02/3/2007, có tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung hòa thuận hạnh phúc với nhau một thời gian khá lâu. Đến năm 2018 thì vợ anh viết đơn ly hôn anh với lý do là vợ chồng không hợp nhau và không tiếp tục sống chung với anh được nữa. Khi vợ anh có đơn đã được bản, chính quyền xã và hai gia đình hòa giải, khuyên nhủ nhưng vẫn không để đoàn tụ được, anh và chị H đã sống mỗi người một nơi từ ngày 15/4/2018 cho đến nay không quan tâm đến nhau. Trước tòa anh L cảm thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, chưa đến mức độ ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị H sửa chữa khuyết điểm quay lại với nhau. Nguyên vọng của anh là không nhất trí ly hôn, đề nghị xem xét theo nguyên vọng của anh.

Về con chung: Có 02 con, Lò Thị Phương V, sinh ngày 29/9/2007 và Lò Thị Bảo N, sinh ngày 04/5/2014, hiện nay cháu đang ở với mẹ (Chị Lữ Thị H) nguyên vọng của anh L là khi ly hôn anh nhận nuôi một cháu, giao cho chị H nuôi một cháu, không bên nào phải đóng góp phí tổn nuôi con cho bên nào. Nếu chị H nuôi cả hai cháu, anh sẽ không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Nhất trí số tài sản chị Lữ Thị H đã liệt kê, anh L đề nghị Hội đồng xét xử chia đôi mỗi người một nửa, về đất đai là của bố mẹ anh cho mượn nên đề nghị không chia.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách hội huyện Y C, tỉnh Sơn La số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng); nợ ông nội Lò Văn B số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Tổng số nợ là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) đề nghị mỗi người có trách nhiệm trả một nửa.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Y C quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 157, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81; Điều 82; Điều 83 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy B thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lữ Thị H. Xử cho chị Lữ Thị H được ly hôn cho anh Lò Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Thị Phương V, sinh ngày 29/9/2007 và Lò Thị Bảo N, sinh ngày 04/5/2014 cho chị Lữ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi trưởng thành 18 tuổi. Anh Lò Văn L có trách

nhệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị Lữ Thị H mỗi cháu, mỗi tháng 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) cho đến tuổi trưởng thành 18 tuổi kể từ ngày 01/11/2019.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm nom, không ai được cản trở, đồng thời có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc chăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông con, chăm sóc con, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung:

- Chị Lữ Thị H được chia: 01 tủ tường trị giá 200.000 đồng; 03 cái đệm thái trị giá 150.000 đồng; 03 cái chăn thái trị giá 150.000 đồng; 30 sau vải thái trắng trị giá 300.000 đồng; 05 sau vải khuyết trị giá 75.000 đồng; 04 mặt chăn thái trị giá 80.000 đồng; 04 chiếc khăn piêu trị giá 200.000 đồng; 1,4 đồng tiền bạc loại 1 hào trị giá 42.000 đồng; 04 đồng tiền bạc (loại đồng to) trị giá 160.000 đồng; tiền chênh lệch do anh Lò Văn L thanh toán 10.000.000 đồng. Tổng cộng phần tài sản chị H được chia có giá trị 11.357.000 đồng (Mười một triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

- Phần tài sản anh Lò Văn L được chia: 01 tủ gian trị giá 100.000 đồng; 01 đệm trị giá 50.000 đồng; 02 chiếc chăn trị giá 100.000 đồng; 10 sau vải trắng thái 100.000 đồng; 03 sau vải khuyết trị giá 45.000 đồng; 02 mặt chăn trị giá 40.000 đồng; 01 chiếc khăn Piêu trị giá 50.000 đồng; 01 Ti vi 21 in TCL + 01 giàn chảo trị giá 800.000 đồng; 01 nhà lắp ghép 3 gian lợp Proximăng, nền lát bê tông có trị giá 20.000.000 đồng dựng trên đất mượn của ông Lò Văn B, cho anh Lò Văn L. Tổng tài sản anh L được chia có trị giá 21.285.000 đồng (Hai mươi một triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Anh Lò Văn L phải chịu trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch về tài sản (ngôi nhà) cho chị Lữ Thị H 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

4. Về nợ chung: Anh Lò Văn L phải trả số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho ông Lò Văn B trú tại bản Huổi Pù, xã Chiềng Đông, huyện Y C, tỉnh Sơn La. Chị Lữ Thị H phải trả số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi phát sinh hàng tháng cho ngân hàng CSXH huyện Y C, tỉnh Sơn La kể từ ngày xét xử cho đến khi trả nợ xong.

Ngoài ra, bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Do không nhất trí với bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm, ngày 04 tháng 11 năm 2019 bị đơn anh Lò Văn L có đơn kháng cáo, không nhất trí về phần cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung, và nợ chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến tranh luận của các đương sự như sau: Bị đơn anh Lò Văn L giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại phần cấp dưỡng nuôi con chung anh L không nhất trí cấp dưỡng nuôi con cùng chị H, về tài sản chung anh L xác nhận có tài sản và giá trị như bản án sơ thẩm nhưng anh sẽ sử dụng hết và không nhất trí chia cho chị H; về

nợ chung của vợ chồng anh L đề nghị chia đôi mỗi người chịu trách nhiệm trả 1/2/ số nợ chung. Nguyên đơn chị Lữ Thị H đề nghị giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Lò Văn L, đề nghị giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng anh L, chị H chung sống với nhau từ năm 2007, trên cơ sở kết hôn tự nguyện, tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, không thể khắc phục. Xét thấy tình cảm vợ chồng anh L, chị H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cho anh chị ly hôn là phù hợp.

[2]. Về con chung:

Trong quá trình chung sống, anh L chị H có 02 con chung là cháu Lò Thị Phương V sinh năm 2007 và cháu Lò Thị Bảo N sinh năm 2014. Cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ và được chị H, anh L đồng ý, mặt khác qua kết quả xác minh tại địa phương thì xác định chị H có điều kiện hơn trong việc trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, nên Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cho chị H nuôi 02 con chung là phù hợp.

Anh L không đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) cho hai cháu, vì cho rằng mình là hộ nghèo không có khả năng cấp dưỡng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án anh L xác định thu nhập của anh L từ trồng trọt và làm thuê mỗi tháng là 6.000.000 đồng. Xét về trách nhiệm của cha mẹ đối với con chưa thành niên thì dù anh L không phải trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đối với hai cháu V và N, nhưng phải có trách nhiệm cùng chị H chăm sóc nuôi con thông qua việc cấp dưỡng nên việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 500.000 đồng/tháng là phù hợp với điều kiện kinh tế của anh L và được chị H chấp nhận, do đó về nội dung này cần được giữ nguyên.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung:

[3.1]. Về tài sản chung:

Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh L có khai nhận về các tài sản chung của vợ chồng bao gồm: Diện tích đất ở 100m², 2.000m² đất nương, 270m² đất ruộng (hai vụ) và 200m² đất ruộng (một vụ) tại bản Huổi Pù, xã Chiềng Đông, huyện Y C, tỉnh Sơn La. Tuy nhiên, qua xác minh lại với anh L,

chị H, ông B và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy: các diện tích đất nêu trên đều do gia đình ông Lò Văn B (bố đẻ anh L) cho anh L, chị H cho mượn để ở nhờ và canh tác, không phải là tài sản chung của vợ chồng, nên quá trình hòa giải, giải quyết vụ án chị H và anh L đều không đề nghị giải quyết và Tòa án cấp sơ thẩm không đề cập đến việc xem xét, giải quyết là phù hợp.

Chị H và anh L đã kê khai và thỏa thuận về giá trị từng loại tài sản chung của vợ chồng bao gồm: 01 nhà lắp ghép bằng khung sắt, 03 gian, lợp Proximăng, lát nền bê tông dựng trên đất của ông Lò Văn B (Bố của anh L) trị giá 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); 01 Tủ trị giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng); 01 Tủ gian trị giá 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng); 01 Ti vi 21 in TCL + 01 giàn chảo trị giá 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng); 04 Cái đệm thái còn mới trị giá mỗi cái 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng); 05 Cái chăn thái còn mới trị giá mỗi cái 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng); 40 Sau vải trắng thái, mỗi sau trị giá 10.000 đồng (Mười nghìn đồng); 08 Sau vải khuyt mỗi sau trị giá 15.000 đồng (Mười lăm nghìn đồng); 06 Cái mặt chăn thái còn mới, trị giá mỗi cái 20.000 đồng (Hai mươi nghìn đồng); 05 Cái khăn Piêu thái còn mới, mỗi cái trị giá 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng); Đồng bạc trắng: Loại 01 hào là 1,4 đồng, trị giá mỗi đồng là 30.000 đồng (Ba mươi nghìn đồng); Loại đồng 1 đồng (đồng to) là 04 đồng, trị giá mỗi đồng là 40.000 đồng (Bốn mươi nghìn đồng).

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định giá trị trên cơ sở thỏa thuận giá của anh L và chị H là đảm bảo sự định đoạt của đương sự về giá và phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã chia nhà và tài sản chung cho anh L với tổng giá trị 21.285.000 đồng (Hai mươi một triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng), chia tài sản chung cho chị H và buộc anh L có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch ngôi nhà 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), tổng số tiền chị H được nhận là 11.357.000 đồng (Mười một triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự giữ nguyên thỏa thuận về số tài sản và giá trị từng loại tài sản. Xét việc anh L không nhất trí chia số tài sản trên cho chị H là không có căn cứ, việc tòa án cấp sơ thẩm chia tài sản chung của vợ chồng như trên đã đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho anh L và chị H nên cần được giữ nguyên.

[3.2] Về nợ chung:

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L và chị H xác nhận có hai khoản nợ chung là: Nợ ông Lò Văn B (bố đẻ của anh L) số tiền 10.000.000 đồng; nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y C số tiền 8.000.000 đồng và lãi suất phát sinh.

Xét thấy, cả hai anh chị đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập không ổn định, nhưng chị H đang trực tiếp nuôi hai con chung, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc chị H phải thanh toán số tiền 8.000.000 đồng và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Y C; anh L chịu trách nhiệm thanh toán số tiền 10.000.000 đồng cho Lò Văn B là phù hợp, cần được giữ nguyên.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên; xét thấy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lò Văn L, cần giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/BAST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Y C.

Các quyết định khác của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Anh Lò Văn L phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Tuy nhiên, do anh L thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của anh Lò Văn L. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/BAST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Y C như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lữ Thị H. Xử cho chị Lữ Thị H được ly hôn với anh Lò Văn L.

2. Về con chung:

- Giao cháu Lò Thị Phương V, sinh ngày 29/9/2007 và Lò Thị Bảo N, sinh ngày 04/5/2014 cho chị Lữ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi trưởng thành 18 tuổi.

- Anh Lò Văn L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị Lữ Thị H mỗi cháu, mỗi tháng 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) cho đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi, kể từ ngày 01/11/2019.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm nom, không ai được cản trở, đồng thời có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc chăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông con, chăm sóc con, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung:

- Chị Lữ Thị H được chia: 01 tủ tường trị giá 200.000 đồng; 03 cái đệm thái trị giá 150.000 đồng; 03 cái chăn thái trị giá 150.000 đồng; 30 sau vải thái trị giá 300.000 đồng; 05 sau vải khuyết trị giá 75.000 đồng; 04 mặt chăn thái trị giá 80.000 đồng; 04 chiếc khăn piêu trị giá 200.000 đồng; 1,4 đồng tiền bạc loại 1 hào trị giá 42.000 đồng; 04 đồng tiền bạc (loại đồng to) trị giá 160.000 đồng; tiền chênh lệch do anh Lò Văn L thanh toán 10.000.000 đồng. Tổng cộng phần chị H được chia có giá trị 11.357.000 đồng (*Mười một triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng*).

- Phần tài sản anh Lò Văn L được chia: 01 tủ gian trị giá 100.000 đồng; 01 chiếc đệm trị giá 50.000 đồng; 02 chiếc chăn trị giá 100.000 đồng; 10 sau vải trắng thái trị giá 100.000 đồng; 03 sau vải khuyết trị giá 45.000 đồng; 02 mặt chăn trị giá 40.000 đồng; 01 chiếc khăn Trải trị giá 50.000 đồng; 01 Ti vi 21 in TCL + 01 giàn chảo trị giá 800.000 đồng; 01 nhà lắp ghép 3 gian lợp Proxi măng, nền lát bê tông có trị giá 20.000.000 đồng dựng trên đất mượn của ông Lò Văn B, cho anh Lò Văn L. Tổng tài sản anh L được chia có trị giá 21.285.000 đồng (*Hai mươi một triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

- Anh Lò Văn L phải chịu trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch về tài sản (ngôi nhà) cho chị Lữ Thị H 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

4. Về nợ chung:

- Anh Lò Văn L phải thanh toán số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) cho ông Lò Văn B trú tại bản Huổi Pù, xã Chiềng Đông, huyện Y C, tỉnh Sơn La.

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án”

- Chị Lữ Thị H phải thanh toán số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) tiền gốc và tiền lãi phát sinh hàng tháng theo hợp đồng cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Y C, tỉnh Sơn La cho đến khi thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng.

5. Về án phí: Anh Lò Văn L được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 09/01/2020).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Y C;
- Chi cục THADS huyện Y C;
- UBND xã Chiềng Đông, huyện Y C, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: Tổ HCTP; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Huy Hiệp

